

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 202....

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2825/CV-TĐAV-KTAT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần thủy điện A Vương về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy Thủy điện A Vương” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần thủy điện A Vương, địa chỉ tại Tổ dân phố Dung, thị trấn Thanh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Thủy điện A Vương” có địa chỉ tại xã Mà Cooh, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy Thủy điện A Vương.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Mà Cooh, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số: 4000478435 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 14 tháng 5 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 4000478435.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thủy điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích của cơ sở: 10.010.303,30 m².

- Công suất phát điện: 210 MW (gồm 02 tổ máy có công suất 105 MW/tổ máy).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần thủy điện A Vương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Công ty Cổ phần thủy điện A Vương có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày tháng năm 202.... đến ngày tháng năm 203....).

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSONMT, TD.10.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 202...
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà máy.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành nhà máy.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vực tuyến đập.
- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh không thường xuyên từ Nhà máy.
- Nguồn số 05: Nước làm mát các tổ máy (không sử dụng hóa chất, không nhiễm dầu).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải và vị trí xả thải:**

STT	Dòng thải	Nguồn tiếp nhận nước thải	Tọa độ vị trí xả thải
1	Dòng nước thải số 01 (tương ứng nguồn số 01 và nguồn số 02): Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy.	Sông Bung, xã Mà Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.	X = 1744785; Y = 492793
2	Dòng nước thải số 02 (tương ứng nguồn số 03): Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực tuyến đập.	Sông A Vương, xã Mà Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.	X = 1747352; Y = 485558
3	Dòng nước thải số 03 (tương ứng nguồn số 04): Nước thải sản xuất sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu.	Sông Bung, xã Mà Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.	X = 1744765; Y = 492667.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^o45', múi chiếu 3^o).

- Điểm xả nước thải sau xử lý vào môi trường tiếp nhận phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 161,7 m³/ngày (24 giờ), trong đó:

- Lưu lượng dòng nước thải số 01: 1,5 m³/ngày (24 giờ).
- Lưu lượng dòng nước thải số 02: 0,2 m³/ngày (24 giờ).
- Lưu lượng dòng nước thải số 03: 160 m³/ngày (24 giờ).

2.2.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01, 02: Tự chảy.

- Dòng nước thải số 03: Bơm cưỡng bức.

- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.2.2. Chế độ xả thải:

- Dòng nước thải số 01, 02: Xả liên tục (24 giờ).

- Dòng nước thải số 03: Xả gián đoạn (khi phát sinh nước rò rỉ hoặc khi bảo trì, sửa chữa).

2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K =1,2), QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng thải số 01, 02 (QCVN 14: 2008/BTNMT cột B, K =1,2)				
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
11	Coliforms	MPN/100ml	5.000		
II	Dòng thải số 03 (QCVN 40: 2011/BTNMT cột B, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$)				
1	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	49,5		
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	99		
4	Amoni	mg/l	9,9		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9		
6	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,495		
7	Tổng nitơ	mg/l	39,6		
8	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ nguồn số 01 được thu gom, xử lý như sau:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (bồn cầu) được thu gom bằng ống PVC về 01 bể tự hoại 03 ngăn đặt tại cao trình + 57,0 m bên trong nhà máy đó dẫn về bể bastaf tăng cường 05 ngăn và bãi lọc ngầm để xử lý. Nước thải sau xử lý tự chảy ra kênh xả của nhà máy rồi chảy ra sông Bung.

+ Nước thải từ bồn rửa chảy qua song chắn rác sau đó được dẫn về bể bastaf tăng cường 05 ngăn và bãi lọc ngầm để xử lý. Nước thải sau xử lý tự chảy ra kênh xả nhà máy rồi chảy ra sông Bung.

- Nước thải từ nguồn số 02 được thu gom, xử lý như sau:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (bồn cầu) được thu gom bằng ống PVC về 01 bể tự hoại 03 ngăn đặt ngầm phía sau nhà điều hành nhà máy sau đó dẫn về bể bastaf tăng cường 05 ngăn và bãi lọc ngầm để xử lý. Nước thải sau xử lý chảy ra kênh xả của nhà máy rồi chảy ra sông Bung.

+ Nước thải từ bồn rửa chảy qua song chắn rác sau đó được dẫn về bể bastaf tăng cường 05 ngăn và bãi lọc ngầm để xử lý. Nước thải sau xử lý chảy ra kênh xả nhà máy rồi chảy ra sông Bung.

- Nước thải từ nguồn số 03 được thu gom, xử lý như sau:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (bồn cầu) được thu gom bằng ống PVC về bể tự hoại 03 ngăn đặt ngầm phía sau trung tâm điều hành đập tràn, sau đó dẫn về bể bastaf tăng cường 03 ngăn và bãi lọc ngầm để xử lý. Nước sau xử lý chảy ra sông A Vương.

+ Nước thải từ bồn rửa chảy qua song chắn rác sau đó được dẫn về bể Bastaf tăng cường 03 ngăn và bãi lọc ngầm để xử lý. Nước thải sau xử lý chảy ra sông A Vương.

- Nước thải từ nguồn số 04 được thu gom, xử lý như sau:

+ Nước thải sản xuất nhiễm dầu được thu gom về 02 hố tiêu thấm dung tích 39 m³ đặt dưới sàn nhà máy để xử lý. Phần dầu tách khỏi nước được thu gom về bồn chứa dầu đặt tại cao trình + 87.00 m thể tích 4 m³. Phần nước sau khi đã tách dầu được chảy qua hộp tách dầu (sử dụng vải lọc dầu loại nylon mono filament 20 mesh (800 micron)) rồi dẫn sang hố tháo cạn thể tích 53 m³, sau đó bơm ra kênh xả hạ lưu nhà máy rồi chảy ra sông Bung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại Nhà máy và Nhà điều hành Nhà máy:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: (Nước thải sinh hoạt từ nhà máy (nguồn số 01) → Bể tự hoại 03 ngăn) + (Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành nhà máy (nguồn số 02) → Bể tự hoại 3 ngăn) → Bể Bastaf tăng cường 05 ngăn → Bãi lọc ngầm (bãi lọc sinh học) → Sông Bung.

- Công suất thiết kế: 1,5 m³/ngày.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất; vật liệu lọc là: sỏi, đá, cát mịn, đất trồng cây, cây thủy trúc (hoặc vật liệu khác tương đương, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.2.2. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại trung tâm điều hành đập tràn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (nguồn số 03) → Bể tự hoại 03

ngăn → Bể Bastaf tăng cường 03 ngăn → Bãi lọc ngầm (bãi lọc sinh học) → Sông A Vương.

- Công suất thiết kế: 0,2 m³/ngày.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng hóa chất; vật liệu lọc là: sỏi, đá, cát mịn, đất trồng cây, cây thủy trúc (hoặc vật liệu khác tương đương, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.2.3. Công trình xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất (nguồn số 04) → Hồ tiêu thấm (hộp tách dầu) → Hồ tháo cặn → Kênh xả sau nhà máy → Sông Boung.

Đối với dầu đã tách được dẫn về bồn chứa dầu, sau đó vận chuyển về kho chứa chất thải nguy hại.

- Tổng thể tích hồ tiêu thấm: 78 m³ (02 x 39 m³).

- Thể tích hồ tháo cặn: 12,6 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vải lọc dầu (hoặc vật liệu khác tương đương, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế máy móc, thiết bị xuống cấp của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Đối với sự cố do vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống thu gom hoặc xả nước thải sau xử lý sẽ tạm ngừng vận hành các công trình xử lý nước thải để khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất.

- Bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng vận hành các công trình xử lý nước thải để tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục kịp thời, đảm bảo nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt sau xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước làm mát:

Nước làm mát cho các tổ máy trong quá trình vận hành với lưu lượng nước cấp cho làm mát là 658 m³/giờ. Nước làm mát cho nhà máy được lấy từ hạ lưu Nhà máy thủy điện A Vương (sông Boung), không tuần hoàn, nước sau làm mát được trả về hạ lưu Nhà máy thủy điện A Vương. Quá trình làm mát không sử dụng hóa chất, nhiệt độ nước sau làm mát được thiết kế luôn ≤ 35°C, nước không bị thay đổi đặc điểm, tính chất nên không yêu cầu phải có hệ thống xử lý. Nước sau làm mát tự chảy ra ngoài hạ lưu ngay khu vực kênh xả tại cao trình +55.20 m bằng 02 đường ống tròn DN 250.

3. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

4.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

4.2. Nước làm mát tổ máy (không sử dụng hoá chất, không nhiễm dầu) được xả trực tiếp ra môi trường.

4.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình công trình xử lý nước thải.

4.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

4.5. Công ty Cổ phần thủy điện A Vương chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 202...
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực 02 tổ máy phát điện.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng khu vực nhà máy.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng tại trung tâm điều hành đập tràn khu vực tuyến đập.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01 có tọa độ: X= 1744768; Y= 492676.
- Nguồn số 02 có tọa độ: X= 1744771; Y= 492672.
- Nguồn số 03 có tọa độ: X= 1747413; Y= 485486.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Các động cơ được lắp đặt đệm cao su để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành.

1.2. Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết hao mòn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 202...
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Ắc quy chì	19 02 05	4000
2	Dầu thủy lực	19 02 06	1000
3	Giẻ lau thấm dầu	19 06 02	50
4	Đá mài, giấy nhám	16 01 06	10
5	Xi hàn thải	19 12 03	50
6	Que hàn thải	19 07 01	5
7	Thiết bị thải có linh kiện điện tử	19 12 01	100
8	Linh kiện điện tử	17 03 05	50
9	Pin Ni-Cd	08 01 01	20
10	Bóng đèn huỳnh quang, thủy tinh hoạt tính thải	19 02 05	50
11	Chất khác có chứa thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	19 02 06	100
12	Chất thải rắn lẫn dầu (bao gồm cả tấm lọc dầu)	19 06 02	60
13	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ	16 01 06	50
14	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	19 12 03	50
15	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải (bao gồm dụng cụ quét sơn, chổi quét sơn, vỏ hộp sơn, cặn sơn, sơn)	19 07 01	100
Tổng khối lượng			5.695

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải (không chứa thành phần nguy hại)	10
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	200
3	Rác trôi từ thượng nguồn về lòng hồ (cành cây, lá cây, rác thải nhựa, bao bì nhựa, ...)	2.920
Tổng khối lượng		3.130

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng **0,6387 tấn/năm**.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại (CTNH):

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy, có dấu hiệu phân biệt và cảnh báo.

2.1.2. Kho lưu chứa CTNH:

- Diện tích kho: 8 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây kiên cố có mái che, nền cao đổ bê tông và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo, xa khu dân cư, khu lán trại để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên; bố trí biển cảnh báo cháy tại khu vực lưu chứa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa, thùng phuy có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa: Lưu chứa tại kho CTNH

- Diện tích kho: 8 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây kiên cố có mái che, nền cao đổ bê tông và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo, xa khu dân cư, khu lán trại để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên; bố trí biển cảnh báo cháy tại khu vực lưu chứa.

2.2.3. Bãi chứa rác lòng hồ:

- Không bố trí bãi chứa rác lòng hồ

- Thiết bị lưu chứa: Rác lòng hồ được lưu chứa tại thùng nhựa có nắp đậy đặt tại trung tâm điều hành đập tràn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thùng nhựa có nắp đậy.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 202...
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 1006/QĐ-BTNMT ngày 10/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Thủy điện A Vương trên sông A Vương thuộc tỉnh Quảng Nam”; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Phối hợp với các cơ quan liên quan vệ sinh, xử lý chất thải phát sinh từ quá trình vận hành hồ chứa theo quy định.

2. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và quy định của chính quyền địa phương.

3. Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, nhiên liệu sử dụng là dầu DO không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu sử dụng là dầu DO phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng; vận hành công trình, nhà máy theo đúng quy định của pháp luật.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch, quy định tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1622/QĐ-TTg

ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan khác.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.